

KHÓ KHĂN TÂM LÝ CỦA HỌC SINH ĐẦU LỚP 1 QUA THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI HỌC TẬP

Vũ Ngọc Hà
Viện Tâm lý học.

1. Đặt vấn đề

Nghiên cứu khó khăn tâm lý (KKTL) của học sinh (HS) đầu lớp 1 qua thái độ đối với học tập xuất phát từ một số cơ sở sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ việc chuyển hoạt động chủ đạo ở HS khi đi học lớp 1: Giai đoạn lớp 1 là giai đoạn chông gai và thử thách trong cuộc đời HS. Nhà tâm lý học Pháp Maurice Debesce gọi lớp 1 là "trang sử mới của cuộc đời đứa trẻ", có nhà tâm lý học khác gọi là "cửa ải phân chia hai cuộc sống khác nhau", hoặc "cửa ải lớp 1". Đứng trước ngưỡng cửa này, trẻ mẫu giáo lớn khi bước vào học lớp 1 gặp nhiều KKTL mà chính những khó khăn này cản trở sự thích ứng với hoạt động học tập của các em, dẫn đến việc trẻ sợ học và kết quả học tập không cao... Việc hiểu những KKTL của trẻ khi đi học sẽ góp phần tháo gỡ khó khăn cho trẻ. [3, trang 261-262].

Thứ hai, xuất phát từ vai trò của thái độ đối với hoạt động học tập: trong tâm lý học, thái độ đối với học tập được coi là một trong những nhân tố đóng vai trò động cơ thúc đẩy tích cực của HS đối với học tập.

Từ những cơ sở trên chúng tôi cho rằng nghiên cứu thái độ của HS đầu lớp 1 đối với học tập là cần thiết.

Đến thời điểm này, có rất nhiều quan niệm khác nhau về thái độ, chúng tôi thấy quan niệm sau phù hợp với nghiên cứu của mình: Thái độ là trạng thái sẵn sàng về mặt tinh thần và thần kinh được tổ chức thông qua kinh nghiệm, có tác dụng điều chỉnh hoặc có ảnh hưởng một cách linh hoạt đến phản ứng của cá nhân với tất cả các tình huống mà nó (phản ứng) có mối liên hệ. [1, tr 790].

Thái độ đối với học tập được hiểu là trạng thái sẵn sàng về mặt tinh thần và thần kinh có tác dụng định hướng cảm xúc (mang tính tích cực hay tiêu cực) của HS liên quan tới việc học tập và sinh hoạt ở nhà trường và được biểu hiện qua nhận thức, xúc cảm và hành vi.

Ở nghiên cứu này, do nhận thức của HS lớp 1 còn chưa rõ nét, nên chúng tôi tập trung tìm hiểu sâu hơn thái độ biểu hiện ở xúc cảm và hành vi của HS khi đi học ở trường cũng như khi học bài ở nhà.

2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Chúng tôi sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu như điều tra bằng bảng hỏi, quan sát, phỏng vấn sâu và thống kê toán học, trong đó phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là phương pháp chủ yếu. Các phương án trả lời được cho điểm theo mức 3 – 2 – 1 tương ứng với mức độ: trên 3 lần – 1 đến 3 lần – không lần nào, hoặc thường xuyên – thỉnh thoảng – không bao giờ.

Khách thể nghiên cứu là 547 HS lớp 1 ở 4 tỉnh thành Hà Nội, Hà Tây, Cà Mau và Trà Vinh. Nghiên cứu được thực hiện trong năm học 2007-2008.

3. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1: KKTL qua thái độ đối với học tập của HS đầu lớp 1

<i>Những biểu hiện</i>	<i>ĐTB</i>	<i>ĐLC</i>
1. Không ốm mà vẫn nghỉ học	1,11	0,34
2. Buổi tối vừa học, vừa chơi	1,25	0,52
3. Buổi tối chơi xong rồi mới học	1,56	0,81
4. Buổi tối nhiều hôm chưa học xong đã đi ngủ	1,23	0,48
5. Chưa học bài buổi tối lần nào	1,06	0,26
6. Không nắn nót mỗi khi tập viết*	1,51	0,64
7. Dành thời gian cho môn học yêu thích*	1,39	0,57
8. Buổi tối học bài xong rồi mới chơi hoặc ngủ*	1,21	0,51
9. Ý thức tự giác trong việc học bài và làm bài tập*	1,47	0,63
10. Sự tập trung trong quá trình học bài và làm bài tập ở nhà*	1,33	0,56
ĐTB nhóm	1,31	0,27

*Ghi chú: Điểm thấp nhất = 1, điểm cao nhất = 3. ĐTB càng cao thể hiện KKTL qua thái độ đối với học tập càng nhiều. Những mệnh đề có dấu * được cho điểm ngược lại với những mệnh đề còn lại*

Tìm hiểu thái độ của HS đầu lớp 1 đối với học tập, chúng tôi cố gắng xem xét từ những biểu hiện nhỏ nhất như việc các em nắn nót mỗi khi tập viết, đến cách thức và hành động mỗi khi các em làm bài ở nhà và thời gian các em dành cho việc làm bài tập ở nhà, cũng như thời gian dành cho môn học mà các em yêu thích.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, so với 5 biểu hiện KKTL (KKTL trong hành vi thực hiện nội qui học tập; KKTL trong hành vi thực hiện nền nếp học tập; KKTL trong hành động đọc, viết, làm toán; KKTL trong sự tự chủ khi chuyển trạng thái từ học sang chơi và ngược lại; KKTL trong sự thiết lập các mối quan hệ trong giao tiếp với bạn) chúng tôi đã trình bày trên Tạp chí Tâm lý học [2], thì biểu hiện KKTL qua thái độ đối với học tập của HS đầu lớp 1 là thấp nhất (ĐTB nhóm

= 1,31; ĐTB trung vị của toàn thang đo là 2.0). Điều đó cho thấy, đa số HS khi đi học lớp 1 có thái độ học tập tốt.

Có thể thấy rằng, thái độ là một nhân tố quan trọng để quyết định hành vi của mỗi cá nhân. Nếu cá nhân có thái độ đúng đắn thì trong đa số các trường hợp đều có những hành vi không sai lệch chuẩn mực do xã hội cũng như nhà trường đặt ra. Việc HS mới đi học lớp 1 đã có thái độ học tập tốt là một điều rất đáng khích lệ. Qua trao đổi về thái độ học tập của HS đối với học tập, đa số giáo viên (GV) tiểu học cho rằng, HS đi học lớp 1 có được thái độ học tập tốt phần lớn là nhờ vào vị trí của người GV tiểu học đối với HS lớp 1. Vị trí của GV trong nhà trường tiểu học khác với vị trí của GV trung học cơ sở và các cấp học khác. Người GV tiểu học có *vị trí số 1* cả về *chữ* và về *người* (giáo dục trẻ). Cụ thể: Về *chữ*, nhìn tổng thể trên toàn quốc thì người GV tiểu học dạy tất cả các môn học (9 môn), không như ở cấp trung học cơ sở trở lên, HS phải học *đa môn, đa thầy cô* (mỗi thầy cô chỉ phụ trách đảm nhận một môn). Về *người* (giáo dục trẻ): Thầy cô tiểu học *trực tiếp* giáo dục trẻ toàn bộ cả về nội dung và thời gian làm việc với trẻ trong ngày, bên cạnh sự hỗ trợ của Ban Giám hiệu, Hội đồng sư phạm nhà trường... Với vị trí số 1 như vậy, cho nên quan hệ giữa GV tiểu học với HS tiểu học có ảnh hưởng rất nhiều tới mọi mặt của trẻ, đặc biệt là trong việc tháo gỡ KKTL cho trẻ khi đi học đầu lớp 1 và giúp trẻ có được thái độ học tập đúng đắn.

Bên cạnh đó, sự quan tâm đúng mực của gia đình đối với HS cũng giữ vai trò quan trọng để giúp HS có thái độ học tập tốt.

Quan sát 1 giờ tập viết trên lớp chúng tôi thấy trường hợp cháu Tr ở lớp 1A trường Tiểu học ĐK Hà Nội là một minh chứng rất rõ cho thấy ảnh hưởng của sự quan tâm không đúng cách tới thái độ học tập của con. Trong toàn bộ tiết học, cháu hầu như không để ý đến việc học của cả lớp. Dưới ngấn bàn của cháu chúng tôi nhìn thấy rất nhiều đồ ăn và thức uống, cháu vừa học, vừa ăn, vừa uống, có lúc cháu ngồi thẳng lưng, có lúc cháu nửa nằm nửa ngồi. Trong khi các bạn chăm chú nghe cô giảng bài và thực hiện yêu cầu của cô thì cháu hầu như không tham gia vào tiết học. Cuối buổi dự giờ chúng tôi đã có trao đổi với cô giáo về hành vi của Tr thì cô giáo cho biết: "do gia đình nuông chiều quá nên bây giờ GV rất vất vả để đưa cháu vào nền nếp học tập, GV đã nhắc nhở rất nhiều lần và có gọi cả cha mẹ đến trao đổi nhưng bố mẹ cứ sợ con ở trường ăn không đủ no nên phải chuẩn bị cho thật nhiều thức ăn, và có lẽ bố mẹ cũng không có biện pháp kỷ luật thích hợp nên chưa thấy cháu có tiến bộ gì cả. Còn ở lớp này, ngoài Tr ra tôi còn 39 HS khác nên không thể tập trung hết sự quan tâm cho Tr mà ảnh hưởng tới các cháu khác". Như vậy, ảnh hưởng của cha mẹ tới thái độ học tập của con là một vấn đề cũng rất đáng để quan tâm khi bàn tới KKTL qua thái độ đối với học tập của HS đầu lớp 1.

Biểu hiện khó khăn rõ nhất mà HS đầu lớp 1 gặp phải là "buổi tối chơi xong rồi mới học" (với ĐTB = 1,56). Theo quy định của một số trường tiểu học trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi và quy định này đã được phổ biến tới phụ huynh vào buổi họp đầu năm là mỗi tối HS lớp 1 nên dành ra 30 phút để ôn bài và chuẩn bị cho bài học ngày mai, nhưng qua 2 tuần đi học, vẫn có 4,8% HS trong

mẫu nghiên cứu "chưa học bài buổi tối lần nào". Tuy số HS không học bài buổi tối ở nhà chiếm tỷ lệ rất ít, nhưng điều đó cũng nói lên rằng, những HS này chưa thực sự có hứng thú đối với việc học, học tập chưa phải là mối quan tâm hàng đầu của các em. Bên cạnh đó, cha mẹ của các em này cũng thờ ơ với việc học tập của con em mình mà không động viên, nhắc nhở con học tập. Cũng có thể các bậc cha mẹ này quan niệm việc học tập ở trường đã là đủ đối với con, hay quan niệm chương trình học ở lớp 1 quá dễ, nên phó thác việc dạy dỗ cho nhà trường. Nhưng, nếu không nhắc nhở con học tập ở nhà thì việc rèn luyện cho con có nền nếp học tập tốt sẽ không có được hiệu quả như mong muốn.

Trái ngược với số phụ huynh thờ ơ không quan tâm tới việc học của con thì có một số phụ huynh lại quan tâm tới việc học tập của con một cách thái quá. Một phụ huynh có con học trường tiểu học KD Hà Nội cho biết:

"Chị biết không, em bị stress nặng lắm rồi vì cái việc học của con bé con nhà em. Hàng ngày ngoài 8 tiếng ở cơ quan ra còn về nhà mọi việc em phó thác cho ôsin, em chỉ kèm con em học. Em không còn thời gian làm bất cứ việc gì ngoài vệ sinh cá nhân và kèm con học thôi. Có em bên cạnh là nó học đâu ra đấy, nhưng không có em là nó chểnh mảng ngay. Mỗi tối em bắt tập viết 1 tiếng, tập làm toán 1 tiếng, ngoài ra là chuẩn bị sách vở các môn khác cho ngày hôm sau. Thế mà không có mẹ ngồi bên cạnh là không chịu viết, không chịu làm toán, mẹ không chuẩn bị sách vở cho là hôm sau đi học thiếu ngay. Em chết mất thôi chị ạ. Lại còn cái bệnh đái dầm nữa chứ. Gần 7 tuổi đến nơi rồi mà hờ bĩnh ra là đái dầm ướt hết cả đêm v.v...". (N.T.H, nữ, 32 tuổi, Hà Nội).

"Em chẳng biết làm sao nữa chị ạ. Em kèm thằng cu nhà em rất chặt, tối nào ăn cơm xong cho nghỉ 30 phút rồi bắt ngồi vào làm toán và tập viết, tập đọc đến tận 10g đêm. Thế mà học hành chẳng ra gì. Cô giáo bảo ở lớp nó không tập trung, các bạn viết xong hết rồi nó vẫn còn nửa bài, làm toán thì nhanh nhưng có cô đứng cạnh thì làm, cô không đứng cạnh là nó ngồi chơi ngắm các bạn, nên từ hôm đi học đến giờ chẳng được nổi điểm 7, em buồn nẫu hết cả người" (Tr.V.S, nam, 36 tuổi, Hà Nội).

Qua tâm sự của các bậc phụ huynh cho thấy, việc cha mẹ quan tâm thái quá tới việc học tập của con rõ ràng không mang lại hiệu quả như mong muốn, nhiều khi còn ngược lại. Thực tế đã chứng minh rằng việc bắt trẻ viết nhiều sẽ làm cho trẻ dễ chán nản, mỏi tay và càng viết thì chữ lại càng xấu.

Liên quan đến việc tập viết của trẻ cho thấy hành vi nắn nót mỗi khi tập viết thể hiện sự cẩn thận của từng em và thể hiện thái độ yêu thích của các em với môn tập viết. Có 17,7% HS yêu thích nhất là môn tập viết (xếp thứ tư trong số những môn học được yêu thích nhất). Có đến 57,5% HS được hỏi lúc nào cũng nắn nót khi viết, 34,1% HS lúc nắn nót, lúc không và chỉ có 8,4% HS không bao giờ nắn nót mỗi khi viết. Đánh giá của HS về việc tập viết có sự khác biệt so với đánh giá của các GV chủ nhiệm của các em. Theo GV, có 40,4% HS lúc nào cũng nắn nót khi viết, 53,1% lúc nắn nót, lúc không và chỉ có 6,9% chẳng lúc nào nắn nót cả. Như vậy, số các em tự nhận mình không bao giờ nắn nót cao hơn so với đánh giá của cô giáo (8,4% so với 6,9%), nhưng số HS lúc nào cũng nắn nót khi viết

theo đánh giá của cô lại thấp hơn so với tự đánh giá của HS (40,4% so với 57,5%). Điều này cho thấy, chưa đến một nửa số HS trong mẫu nghiên cứu tỏ ra cẩn thận trong khi viết.

Trong số những môn học mà HS yêu thích thì môn Toán xếp thứ nhất với 44,9% HS lựa chọn, xếp thứ 2 là môn tiếng Việt/Tập đọc với 26,4% lựa chọn, thứ ba là môn Mĩ thuật với 21,6% và thứ tư là tập viết với 17,7% số HS lựa chọn. Trong số những môn học mà HS lựa chọn là mình yêu thích nhất có 65,3% HS dành nhiều thời gian cho môn học mình thích nhất. Có 30,1% dành ít thời gian và có 4,6% HS tuy yêu thích môn học nhưng không dành thời gian cho môn học đó nhiều hơn so với môn khác.

Thái độ đối với học tập của HS còn được thể hiện qua cách thức học bài của các em. Có 83,9% HS trả lời thường xuyên học bài xong rồi mới chơi hoặc ngủ, 11,3% đôi khi chưa học bài xong đã chơi hoặc ngủ và chỉ có 4,8% là có thể chơi hoặc ngủ bất kì lúc nào các em muốn. Đánh giá của cha mẹ HS, những người trực tiếp theo dõi việc học tập của con họ chưa tương đồng với tự đánh giá của con. Theo cha mẹ, có 78,1% số HS thường xuyên học bài xong rồi mới chơi hoặc ngủ, 15,7% đôi khi chưa học bài xong đã chơi hoặc ngủ và có tới 10,9% không cần học bài xong đã chơi hoặc ngủ. Như vậy, số HS mà cha mẹ nhìn nhận là học xong mới chơi hoặc ngủ thấp hơn so với tự đánh giá của HS và do vậy con số không cần học xong bài đã chơi hoặc ngủ lại tăng lên so với nhìn nhận của các em.

Thái độ đối với học tập của HS còn thể hiện qua ý thức tự giác học bài và làm bài tập ở nhà. Có 61,1% HS đến giờ học tự ngồi vào bàn, có 31,1% có ngày phải nhắc nhở và 7,9% luôn luôn phải nhắc nhở mới chịu học. Đánh giá của phụ huynh (PH) HS về vấn đề này khác xa tự đánh giá của con họ. Nếu như số HS tự nhận đến giờ học tự ngồi vào bàn không cần phải nhắc nhở là 61,1% thì theo cha mẹ các em chỉ có 35,3% là không cần nhắc nhở, và có tới 15,2% luôn luôn phải nhắc mới chịu ngồi vào bàn học. Như vậy, ý thức tự giác học bài và làm bài tập ở nhà của HS lớp 1 chưa cao. Đa số các em chưa có thói quen đến giờ học là phải ngồi vào bàn. Nguyên nhân này cũng thể hiện khó khăn đặc trưng của HS đầu lớp 1 khi các em mới đi học ở trường phổ thông và đang trong quá trình hình thành thói quen học bài và làm bài ở nhà. Từ đây còn cho thấy, nếu cha mẹ không đôn đốc, nhắc nhở con trong việc học tập ở nhà thì thói quen học tập sẽ rất khó hình thành và nếu có hình thành cũng khó được duy trì. Và do đó sẽ ảnh hưởng tới kết quả học tập của HS khi không chuẩn bị bài ở nhà, cũng như ảnh hưởng tới quá trình thực hiện nền nếp, nội qui học tập của các em ở trường.

Qua ý kiến của các bậc PH, có 43,5% HS khi làm bài thường làm xong hết mới đứng lên, 46,4% trong quá trình làm bài thỉnh thoảng đứng lên ngồi xuống hoặc làm những việc linh tinh và 10,1% HS liên tục ở trong trạng thái vừa học vừa chơi. Như vậy, chưa đến một nửa số HS trong mẫu khảo sát đã tập trung khi học bài ở nhà. Đa số ý kiến trên đây của các bậc PH khi được phỏng vấn sâu đều cho rằng, không nên bắt HS lớp 1 học bài ở nhà với thời gian dài và nhiều bài tập, có vị PII mỗi tối chỉ bắt con ngồi học 30 phút, trong khi đó có cha mẹ yêu cầu con học 1 hoặc 2 tiếng đồng hồ.

"Mỗi tối về nhà em phải đánh vật với con vì bài cô giáo giao về nhà tập viết nhiều quá. Em thì chỉ muốn cháu học khoảng 30 phút mỗi tối là vừa, nhưng mẹ cháu bắt nó phải viết hết bài cô giao, rồi còn làm thêm bài mẹ giao nữa. Nhìn con còng lưng ra viết mỏi cả tay, rồi ngáp ngáp ngáp dài làm toán mà bố sốt hết cả ruột. Chỉ vì việc học của con ở nhà mà nhiều hôm vợ chồng em giận nhau" (PVS Tr.M.S, phụ huynh HS lớp 1, Hà Nội).

Rõ ràng, ngay trong chính các bậc cha mẹ HS cũng không hiếm các cặp không thống nhất được thời gian cho con học ở nhà. Qua trao đổi với GV đang trực tiếp dạy lớp 1, các cô giáo cho rằng, thời gian học ở nhà của trẻ lớp 1 khoảng từ 30 đến 40 phút là phù hợp. Giữa khoảng thời gian này có thể cho con nghỉ giải lao 5 phút. Nếu bắt con tập viết hoặc làm toán trong thời gian cả tiếng đồng hồ hoặc hơn thế nữa, sẽ khiến trẻ mệt mỏi, kéo theo là sự chán nản học tập ở trẻ. Do vậy, các bậc cha mẹ cũng cần lưu ý khi bố trí giờ học cho con. Cha mẹ phải căn cứ vào độ thích ứng của mỗi trẻ để sắp xếp giờ học của con cho hợp lý.

Bảng 2: Những khác biệt trong đánh giá về KKTL trong thái độ đối với học tập xét theo một số tiêu chí

<i>Những KKTL</i>	<i>Độ chênh lệch về ĐTB (d) giữa hai nhóm khách thể</i>	<i>Nam và nữ (d1)</i>	<i>Thành phố và nông thôn (d2)</i>
1. Không ốm mà vẫn nghỉ học			-0,08***
2. Buổi tối vừa học, vừa chơi			-0,15***
3. Buổi tối chơi xong rồi mới học	0,18***		0,45***
4. Buổi tối nhiều hôm chưa học xong đã đi ngủ			-0,08***
5. Chưa học bài buổi tối lần nào	0,02*		-0,06***
6. Không nắn nót mỗi khi tập viết			-0,02*
7. Dành thời gian cho môn học yêu thích	-0,03*		0,11*
8. Buổi tối học bài xong rồi mới chơi hoặc ngủ			-0,09***
9. Ý thức tự giác trong việc học bài và làm bài tập	0,13**		
10. Sự tập trung trong quá trình học bài và làm bài tập ở nhà			
ĐTB nhóm			0,01*

Ghi chú: Trên bảng chỉ hiển thị những giá trị có ý nghĩa về mặt thống kê với d* khi $P < 0,05$, d** khi $P < 0,01$ và d*** khi $P < 0,001$. d là độ chênh lệch giữa 2 nhóm khách thể thứ nhất và thứ hai.

Xem xét sự khác biệt ở một số tiêu chí về thái độ đối với học tập của HS đầu lớp 1, chúng tôi thấy, về tổng thể, không có sự khác biệt có ý nghĩa về KKTL trong thái độ đối với học tập giữa HS nam và HS nữ. Như vậy, HS nam và HS nữ đều gặp khó khăn ở các mức độ nhiều, ít như nhau và mức độ khó khăn là tương đối thấp ở cả nam và nữ. Nhưng, xét riêng từng biểu hiện KKTL qua thái độ đối với học tập thì HS nam gặp khó khăn hơn HS nữ, thể hiện trong 4 biểu hiện có

khác biệt (có ý nghĩa) thì HS nam gặp khó khăn nhiều hơn HS nữ 3 biểu hiện (các biểu hiện 3, 5, 9).

Khác biệt lớn nhất giữa HS nam và HS nữ là biểu hiện “buổi tối chơi xong rồi mới học” ($d = 0,18$ và $P < 0,001$). Điều này một lần nữa cho thấy, HS nam thường mãi chơi hơn HS nữ và cha mẹ cũng nương nhẹ con trai hơn con gái khi nhắc nhở con học bài ở nhà. Ít khác biệt hơn cả là biểu hiện “chưa học bài buổi tối lần nào” ($d = 0,02$ và $P < 0,05$). Kết quả này chỉ ra rằng, mặc dù vẫn còn mãi chơi nhưng HS đầu lớp 1 bước đầu đã có ý thức học tập, tuy nhiên ý thức tự giác ở các em chưa cao, các em vẫn cần có sự nhắc nhở của cha mẹ mới ngồi vào bàn học.

So sánh đánh giá của các nhóm HS sống ở các khu vực khác nhau về thái độ đối với học tập cho thấy, về tổng thể, HS nông thôn có ít khó khăn được thể hiện qua thái độ đối với học tập hơn HS thành phố ($d = 0,01$ và $P < 0,05$). Tuy nhiên, nếu xét từng biểu hiện cụ thể thì lại có biểu hiện này HS nông thôn khó khăn hơn, nhưng ở biểu hiện khác khó khăn của HS thành phố lại cao hơn. Chẳng hạn, HS nông thôn thường “Không ốm vẫn nghỉ học”; “Buổi tối vừa học, vừa chơi”; “Buổi tối nhiều hôm chưa học xong đã đi ngủ”; “Chưa học bài buổi tối lần nào” hơn HS thành phố (với độ chênh lệch về ĐTB giữa hai nhóm khách thể lần lượt là 0,08; 0,15; 0,08; 0,06 và $P < 0,001$). Nhưng có thể thấy rằng, sự khác biệt lớn nhất là ở biểu hiện “buổi tối chơi xong rồi mới học” của nhóm HS thành phố cao hơn nhóm HS nông thôn ($d = 0,45$, $P < 0,001$). Kết quả này một lần nữa lại cho thấy, ở thành phố điều kiện sinh hoạt vui chơi tốt hơn ở nông thôn, cho nên HS thành phố khó tập trung vào việc học bài ở nhà hơn HS nông thôn.

Chú thích

1. Vũ Dũng (chủ biên) (2008), *Từ điển Tâm lý học*, Nxb Từ điển bách khoa, Hà Nội.
2. Các bài viết được đăng trên Tạp chí Tâm lý học số 5,6,9,10 Tạp chí Tâm lý học 2008 và số 12 năm 2009.
3. Bùi Văn Huệ, Phan Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thúc (2008), *Giáo trình Tâm lý học tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.

Tài liệu tham khảo

1. *Attitude* - Penguin Books Inc, trang 276.
2. Lomov B.Ph (2000), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận tâm lý học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội (Nguyễn Đức Hướng, Dương Diệu Hoa, Phan Trọng Ngọc dịch).
3. Schwarzer, R (1981), “*Sự căng thẳng, lo sợ và bất lực*”, Stuttgart: Kohlhammer. Dẫn theo *Sự phát triển nhận thức học tập và giảng dạy* do Franz Emanuel Weinert (chủ biên), Nxb Giáo dục, 1998, tr 153.
4. Viện Khoa học giáo dục - Trung tâm Tâm lý học - Sinh lý học lứa tuổi (2001), *Một số đặc điểm sinh lý và tâm lý của HS tiểu học ngày nay*, NXB ĐHQG Hà Nội.